TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 130 /2017/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 28 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2017/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa:

- **Nguyên Đơn: Bà Lương Thị H –** Sinh năm 1985

Đ/c: Tổ 05, phường Đề Thám, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- **Bị đơn: Ông Tạ Kim T** – Sinh năm 1985

Đ/c: Tổ 07, phương Tân Giang, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **20** tháng **7** năm **2017** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Bà Lương Thị H –** Sinh năm 1985

Đ/c: Tổ 05, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- **Ông Tạ Kim T** – Sinh năm 1985

Đ/c: Tổ 07, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng..

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lương Thị H và ông Tạ Kim T.

- Về con chung: Các bên thống nhất sau khi ly hôn, các con chung là cháu Tạ Hải Đ - sinh ngày 12/10/2008 (Giới tính: Nam) và cháu Tạ Thư K - sinh ngày 19/12/2011 (Giới tính: Nữ) sẽ do bà Lương Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Ông T có trách nhiệm đóng góp tiền trợ cấp nuôi dưỡng con chung là 750.000 đồng/tháng/cháu, tổng cộng số tiền trợ cấp nuôi dưỡng con chung của cả hai cháu mà ông T phải chịu là 1.500.000 đồng/hai cháu/tháng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ 7/2017 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Theo phương thức trợ cấp hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí:

- Về án phí ly hôn: Bà H và ông T mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước; Ngoài ra, ông T còn phải nộp tiền án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng bà H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí trên là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2016/0000137 ngày 03/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát TPCB;
- UBND phường T, TPCB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Na